

TUẦN 28: KHỐI 3

**BÀI ÔN MÔN TIẾNG VIỆT
(THỨ HAI)**

1. Tập đọc:

Các em đọc các bài đọc tuần 28 sách giáo khoa Tiếng Việt 3 tập 2:

- Cuộc chạy đua trong rừng (trang 80, 81) - Trả lời câu hỏi.
- Cùng vui chơi (trang 83, 84) - Trả lời câu hỏi.

Chính tả:

Chép từ khó vào vở rèn, sau đó chép bài vào vở Chính tả

- Bài Cuộc chạy đua trong rừng (trang 83) có các từ khó sau: Ngựa Con, chuẩn bị, vốn khỏe, nhanh nhẹn, tin chắc, vòng nguyệt quế, mãi ngấm, thợ rèn, thua cuộc, chủ quan. Mỗi từ khó chép 2 dòng.
- Bài Cùng vui chơi (trang 84, từ Quả cầu giấy... đến hết) có các từ khó sau: Quả cầu giấy, lộn xuống, quanh quanh, tinh mắt, dẻo chân, trên sân, tươi mát, xen. Mỗi từ khó chép 2 dòng.

BÀI ÔN MÔN TOÁN

(THỨ BA)

1. Điền dấu ($<$, $>$, $=$) thích hợp vào ô trống :

89156...98516	67628....67728
69731...69713	89999..90000
79650...79650	78659...76860

2. a) Tìm số lớn nhất trong các số sau: 83269, 92368, 29863, 68932

b) Tìm số bé nhất trong các số sau: 74203, 100000, 54307, 90241

3. a) Viết các số 30620, 8258, 31855, 16999 theo thứ tự từ bé đến lớn

.....

b) Viết các số 65372, 56372, 76325, 56327 theo thứ tự từ lớn đến bé

.....

4. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số lớn nhất có năm chữ số là:

.....

b) Số bé nhất có năm chữ số là:

.....

5. Quãng đường Thỏ đi được dài 40 565 cm và quãng đường Rùa bò được dài 500

m. Quãng đường của Thỏ hay Rùa đi được dài hơn?

Giải

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI ÔN MÔN TIẾNG VIỆT

(THỨ TƯ)

1. Trong những câu thơ sau, vật tự xưng là gì? Cách xưng hô ấy có tác dụng gì?

Mình đỏ như lửa
Bụng chứa nước đầy
Tôi chạy như bay
Hết vang đường phố
Nhà nào bốc lửa
Tôi đập liền tay
Ai gọi chữa cháy
- Có ... ngay! Có ... ngay!
(Phạm Hổ)

.....
.....
.....

2. Gạch dưới bộ phận câu trả lời câu hỏi "Để làm gì?".

- a. Chàng hoảng hốt, chạy tới khóm lau thưa trên bãi, nằm xuống bới cát phủ lên mình để ẩn trốn.
- b. Ông ngồi đây chờ xe buýt để đến bệnh viện.
- c. Cháu mong chóng đến hè để được về quê thăm bà.

3. Điền dấu chấm, dấu chấm hỏi hoặc dấu chấm than vào các ô trống cho thích hợp:

Chúng tôi tháo guai, đặt đồ lễ xuống bên một gốc cây. Cần phải nghỉ, ăn cơm cho lại sức trước khi trở về....

- Tía ơi Ở đây có gấu không Tôi hỏi:

- Rừng này không có gấu đâu Con sợ à....

- Không. Con hỏi thế thôi. Gấu nó hay ăn mật ong lắm Có gấu, nó sẽ lấy hết mật của mình chứ....

- Ủ. Nhưng mà ăn mật thì chẳng lo. Ăn làm sao hết được mật rừng U Minh này. Chỉ lo nó ăn con ong thôi.

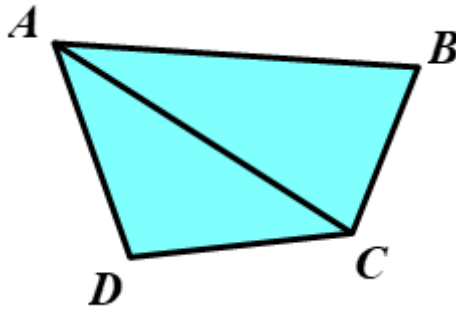
(Đoàn Giỏi)

BÀI ÔN MÔN TOÁN

(THỨ NĂM)

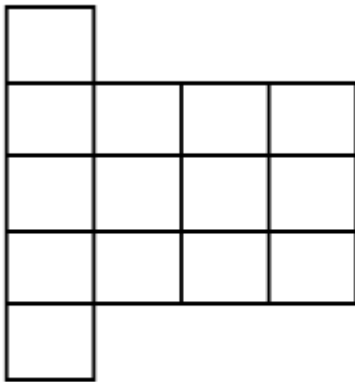
Khoanh tròn chữ cái trước đáp án đúng trong các câu sau đây:

1. Cho hình vẽ sau:

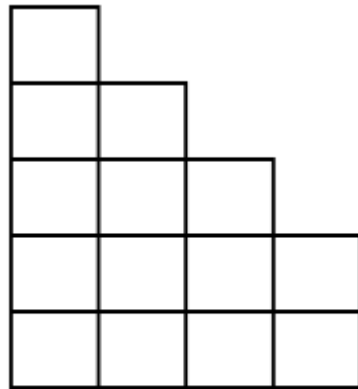


- A. Diện tích của tam giác ABC lớn hơn diện tích của tứ giác ABCD.
- B. Diện tích của tam giác ABC bé hơn diện tích của tứ giác ABCD.
- C. Diện tích của tam giác ABC bằng diện tích của tứ giác ABCD.

2. Cho hình vẽ sau:



Hình A



Hình B

- A. Diện tích hình A lớn hơn diện tích hình B.
- B. Diện tích hình B lớn hơn diện tích hình A.
- C. Diện tích hình A bằng diện tích hình B.

**BÀI ÔN TẬP TIẾNG ANH KHỐI 3
(THỨ SÁU)**

REVIEW 3

BÀI TẬP

I. Look at the words. Put them in the correct box

hospital yellow raining windy gloves black
snowing school airport green fire station jeans
sunny boots hot shirt skirt blue

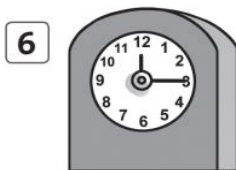
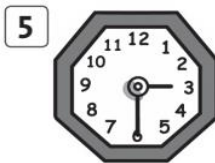
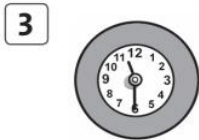
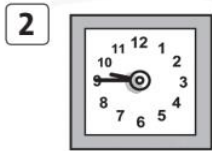
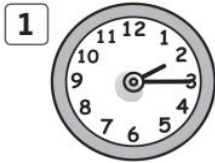
Clothes	Colors	Weather	Places

II. Complete the sentences



- 1. I ride a _____.
- 2. I fly a _____.
- 3. I slip a _____.
- 4. My dog eats a _____.

III. Complete the times



1. It's two _____.

2. It's _____.

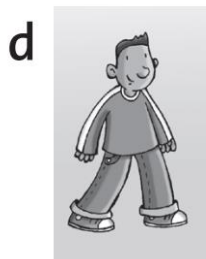
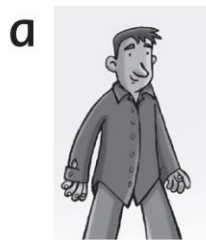
3. It's _____.

4. _____.

5. _____.

6. _____.

IV. Look and match



1. He's wearing a shirt. _____

2. She's wearing a hat. _____

3. He's wearing a scarf. _____

4. She's wearing boots. _____

5. She's wearing a long skirt. _____

6. He's wearing jeans. _____

ĐÁP ÁN MÔN TOÁN (THỨ BA)

1. Điền dấu ($<$, $>$, $=$) thích hợp vào ô trống :

$$89156 < 98516 \qquad 67628 < 67728$$

$$69731 > 69713 \qquad 89999 < 90000$$

$$79650 = 79650 \qquad 78659 > 76860$$

2. a) Số lớn nhất trong các số: 83269, 92368, 29863, 68932 là: 92368

b) Số bé nhất trong các số: 74203, 100000, 54307, 90241 là: 54307

3. a) Theo thứ tự từ bé đến lớn là: 8258, 16999, 30620, 31855

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé là: 76325, 65372, 56372, 56327

4.

a) Số lớn nhất có năm chữ số là: 99999

b) Số bé nhất có năm chữ số là: 10000

5 .

Giải

$$\text{Đổi: } 500 \text{ m} = 50000 \text{ cm}$$

Vì: $50000 \text{ cm} > 40565 \text{ cm}$ nên quãng đường của Rùa đi được dài hơn.

Đáp số: Rùa đi được quãng đường dài hơn.

ĐÁP ÁN MÔN TIẾNG VIỆT (THỨ TƯ)

1. Trong những câu thơ sau, vật tự xưng là gì? Cách xưng hô ấy có tác dụng gì?

Xe cứu hỏa tự xưng là: tôi

Cách xưng hô ấy có tác dụng làm cho lời kể gần gũi, thân mật, như đang nói chuyện với con người.

2. Gạch dưới bộ phận câu trả lời câu hỏi "Để làm gì?".

- a. Chàng hoảng hốt, chạy tới khóm lau thưa trên bãi, nằm xuống bới cát phủ lên mình để ẩn trốn.
- b. Ông ngồi đây chờ xe buýt để đến bệnh viện.
- c. Cháu mong chóng đến hè để được về quê thăm bà.

3. Điền dấu chấm, dấu chấm hỏi hoặc dấu chấm than vào các ô trống cho thích hợp:

Chúng tôi tháo guì, đặt đồ lễ xuống bên một gốc cây. Cần phải nghỉ, ăn cơm cho lại sức trước khi trở về.

- Tía ơi! Ở đây có gấu không ? Tôi hỏi:

- Rừng này không có gấu đâu. Con sợ à?

- Không. Con hỏi thế thôi. Gấu nó hay ăn mật ong lắm! Có gấu, nó sẽ lấy hết mật của mình chứ!

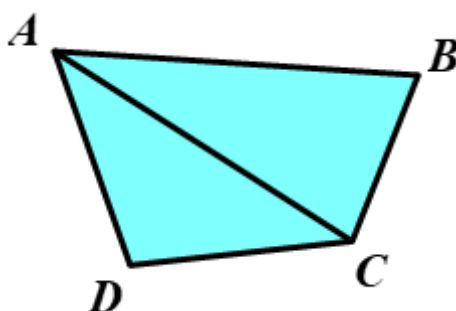
- Ừ. Nhưng mà ăn mật thì chẳng lo. Ăn làm sao hết được mật rừng U Minh này. Chỉ lo nó ăn con ong thôi.

(Đoàn Giỏi)

ĐÁP ÁN MÔN TOÁN (THỨ NĂM)

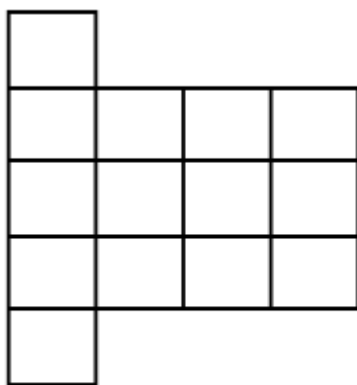
Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng trong các câu sau đây:

1. Cho hình vẽ sau:

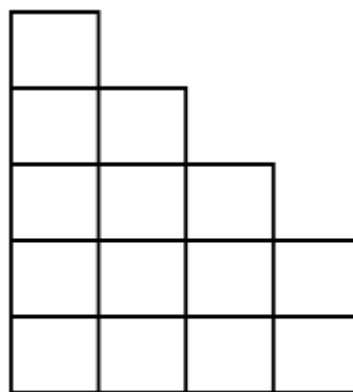


- A. Diện tích của tam giác ABC lớn hơn diện tích của tứ giác ABCD.
- ☒ B. Diện tích của tam giác ABC bé hơn diện tích của tứ giác ABCD.
- C. Diện tích của tam giác ABC bằng diện tích của tứ giác ABCD.

2. Cho hình vẽ sau:



Hình A



Hình B

- A. Diện tích hình A lớn hơn diện tích hình B.
- B. Diện tích hình B lớn hơn diện tích hình A.
- ☒ C. Diện tích hình A bằng diện tích hình B.

ĐÁP ÁN MÔN TIẾNG ANH

TUẦN 28 KHỐI 3

(THỨ SÁU)

I. Look at the words. Put them in the correct box

Clothes	Colors	Weather	Places
gloves	yellow	raining	hospital
boots	black	windy	school
jeans	green	snowing	fire station
skirt	blue	sunny	
shirt		hot	

II. Complete the sentences

1. I ride a bike.
2. I fly a kite.
3. I slip a rode.
4. My dog eats a bone.

III. Complete the times

1. fifteen
2. nine forty-five.
3. eleven thirty.
4. It's four forty-five.
5. It's three thirty.
6. It's twelve fifteen.

IV. Look and match

1. a
2. c
3. b
4. f
5. e
6. d